ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 654 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 15 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Khu dân cư thôn Pác Luồng (phục vụ tái định cư) thuộc Tiểu dự án giải phóng mặt bằng địa phận huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phục vụ dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1)

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/08/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Tiểu dự án giải phóng mặt bằng địa phận huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư PPP (giai đoạn 1);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 41/TTr-SXD ngày 13/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Khu dân cư thôn Pác Luồng (phục vụ tái định cư) thuộc Tiểu dự án giải phóng mặt bằng địa phận huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phục vụ dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1) như sau:

1. Tên dự án: Khu dân cư thôn Pác Luồng (phục vụ tái định cư) thuộc Tiểu dự án giải phóng mặt bằng địa phận huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phục vụ dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1).

2. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm: xã Đề Thám, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu đất xây dựng thực hiện dự án: 3,75 ha.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Tràng Định; đơn vị được giao nhiệm vụ Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tràng Định.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Phương Đông - Công ty TNHH Minh Hồng LS.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án

- Loại dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp, nhóm C.

- Loại, cấp công trình chính thuộc dự án: Công trình giao thông, cấp III; công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III; công trình công nghiệp (đường dây và trạm biến áp), cấp IV; Công trình dân dụng, cấp III.

7. Mục tiêu dự án: đầu tư xây dựng Khu tái định cư để bố trí tái định cư, tạo điều kiện về đất ở, ổn định đời sống cho các hộ dân địa phận huyện Tràng Định bị ảnh hưởng do thu hồi đất để thực hiện dự án tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1).

8. Quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ của khu tái định cư (gồm các công trình giao thông; cấp điện, chiếu sáng; cấp nước, phòng cháy chữa cháy; thoát nước mưa, nước thải) với tổng quy mô diện tích sử dụng đất 3,75ha, quy mô dân số khoảng 416 người tương đương 104 ô tái định cư, bao gồm các hạng mục, công trình sau:

- San nền, diện tích 3,75ha.

- Đường giao thông, gồm 06 tuyến, tổng chiều dài 1.161,48m.

- Cấp nước: tổng chiều dài tuyến ống 1.313,0m.

- Thoát nước:

+ Thoát nước mưa: tổng chiều dài tuyến thoát nước mưa cống D300, D600, D1000 dài 1.335m.

+ Thoát nước thải: tổng chiều dài tuyến ống D300 dài 220m, mương thoát nước dài 415m.

+ 01 Trạm xử lý nước thải công suất 100m^3/ngày đêm.

- Cấp điện: xây dựng đường dây trung thế 35kV, trạm biến áp 160kVA-35/0,4kV và hệ thống đường dây hạ thế 0,4kV để cấp điện sinh hoạt và chiếu

sáng cho khu tái định cư.

+ Đường dây trung thế 35KV: xây dựng mới đường dây trung thế 35kV, tuyến dài 321m.

+ Trạm biến áp: xây mới 02 trạm biến áp, công suất 400kVA-35/0,4kV.

+ Cấp điện hạ thế 0,4KV: xây dựng tuyến đường dây hạ thế 0,4kV, tuyến dài 651m.

+ Cấp điện chiếu sáng: xây dựng đường điện chiếu sáng dài 820m.

+ Hệ thống phòng cháy, chữa cháy gồm: đường ống và trụ chữa cháy đặt nổi D110mm.

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

- QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- TCXDVN 13592: 2022 Đường đô thị - yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

- QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

- 22 TCN 223-1995 Áo đường cứng đường ô tô - tiêu chuẩn thiết kế.

- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.

- TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 7957:2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 9113:2012 Ống bê tông cốt thép thoát nước - tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9116:2012 Cống hộp bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 33:2006 Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 13608:2023 Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- Một số quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Các giải pháp thiết kế cơ sở

a) San nền

- Tổng diện tích san nền 3,75ha, san nền 04 lô đất, kè đá xung quanh kết hợp taluy và đất giao thông.

- Cao độ san nền điểm cao nhất 155,5m; điểm thấp nhất 154,05m; hướng dốc san nền từ phía Tây Nam sang Đông Bắc; độ chặt đất đắp san nền K=0,95.

- Mái ta luy: độ dốc mái ta luy đắp 1/1÷1/1,5.

- Kè mái taluy xung quanh khu đất, kè bằng đá, tổng chiều dài 724,31m.

b) Đường giao thông: gồm 06 tuyến đường với tổng chiều dài 1.161,48m.

STT	Tên tuyến	Chiều dài	Bề rộng nền đường	Bề rộng mặt đường	Bề rộng vỉa hè (Trái+phải)
1	Tuyến 01	230,22m	15,5m	7,5m	4+4m
2	Tuyến 02	200,17m	15,5m	7,5m	4+1,5m
3	Tuyến 03	176,65m	15,5m	7,5m	4+4m
4	Tuyến 04	164,23m	15,5m	7,5m	4+4m
5	Tuyến 05	157,99m	15,5m	7,5m	4+4m
6	Tuyến 06	232,22m	15,5m	7,5m	2+4m
	Tổng cộng	**1.161,48m**			

- Mặt đường thiết kế dốc 2 mái, độ dốc ngang i=2%; hè dốc về mép vỉa hè, độ dốc vỉa hè i=1,5%.

- Vận tốc thiết kế: 30km/h, Bán kính đường cong tại các nút giao: Rmax =15m và Rmin = 8m.

- Kết cấu áo đường: mặt đường cấp cao A1, tầng mặt bằng bê tông nhựa asphalt, mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc = 120 Mpa, với kết cấu từ trên xuống dưới như sau: mặt đường bê tông nhựa chặt 12,5, dày 7cm; tưới nhựa thấm bám 1,0kg/m^2; lớp móng cấp phối đá dăm loại I, dày 15cm; lớp móng cấp phối đá dăm loại II, dày 20cm; lớp đất đầm chặt K≥0,98, dày 50cm.

- Thiết kế rãnh biên, vỉa hè, cây xanh:

+ Bó vỉa dùng bê tông xi măng mác 300 đúc sẵn, kích thước (12,5x30x100)cm, lót bằng vữa xi măng mác 100 dày 2cm; dưới đệm bê tông xi măng mác 150, đá (1x2)cm dày 5cm, dưới rải 01 lớp nilong chống thấm, nền đất k=0,95; đỉnh bó vỉa chênh cao so với mép rãnh biên 9cm.

+ Kết cấu đan rãnh bằng bê tông xi măng mác 200 đúc sẵn, kích thước (25x50x5)cm; móng đan rãnh lót bằng vữa xi măng mác 100 dày 2cm; nền đất k=0,95; độ dốc rãnh biên nghiêng từ mặt đường vào mép bó vỉa i=10%.

+ Vỉa hè: độ dốc ngang vỉa hè i=1,5% hướng thoát nước ra phía mặt đường; các lớp kết cấu vỉa hè từ trên xuống gồm: gạch lát vỉa hè bằng bê tông xi măng kích thước (400x400x30)mm, lót bằng vữa xi măng mác 75 dày 2cm; dưới đệm bê tông xi măng mác 150, đá (1x2)cm dày 8cm; lớp nilong chống thấm, nền

đất k=0,95.

+ Bó gáy hè: xây bằng gạch bê tông xi măng mác 75, dày 10cm, cao 22cm, lót móng bằng bê tông xi măng mác 200, dày 5cm.

+ Cây xanh trên vỉa hè: trồng cây xanh với khoảng cách trung bình 5m-10m/cây, xây bó bồn cây bằng đá màu ghi sáng kích thước (10x15x100)cm.

- An toàn giao thông: thiết kế hệ thống vạch sơn biển báo hiệu theo Quy chuẩn việt nam QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

c) Hệ thống cấp điện, chiếu sáng

- Đường dây trung thế 35KV: xây dựng mới đường dây 35KV gồm 06 vị trí cột trung thế (sử dụng loại cột bê tông dự ứng lực PC-I-20-190-13) và 02 vị trí TBA cho khu dân cư. Đấu nối tại vị trí cột trung thế số 31-35 lộ 371E13.9 NR Thất Khê – Khuổi Tó. Chiều dài tuyến trên mặt bằng là 321m, dây dẫn sử dụng dây nhôm lõi thép AC/XLPE/HPDE/WBCC-70/11mm^2, lắp kim thu sét toàn tuyến và có dây thoát sét riêng từng cột.

- Trạm biến áp: xây mới 02 trạm biến áp, công suất 400kVA-35/0,4kV để cấp điện cho hệ thông đường dây 0,4KV của khu tái định cư; trạm thiết kế theo loại trụ thép 1 cột trọn bộ; vị trí trạm đặt tại lô CX.02 và CX.04 của khu đất thực hiện dự án.

- Cấp điện hạ thế 0,4KV: xây dựng tuyến đường dây 0,4kV sau TBA KDC 400kVA-35/0,4kV xây dựng mới, chiều dài tuyến trên mặt bằng 651m cáp xuất tuyến từ trạm biến áp cấp nguồn cho tủ điện tổng được sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC tiết diện từ 4x50 đến 4x120mm^2 luồn trong ống nhựa xoắn HDPE, đi ngầm dọc theo vỉa hè khu dân cư.

- Cấp điện chiếu sáng:

+ Hệ thống chiếu sáng hè phố đi ngầm trong hào cáp, chiều dài tuyến 820m.

+ Cột đèn sử dụng loại cột thép bát giác tròn côn liền cần cao 8m. Cần đèn đơn, chiều cao 2m, vươn 1,5m; móng cột bằng bê tông xi măng mác 200.

+ Đèn đường: dùng đèn led công suất 150w-220v.

+ Dây dẫn: từ trạm biến áp đến tủ điện chiếu sáng và từ tủ điện chiếu sáng đến các cột chiếu sáng dùng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-(4x16)mm. Dây từ đường trục rẽ vào mỗi đèn dùng dây Cu/PVC-(2x2,5)mm luồn trong thân đèn. Thực hiện các mối đấu cáp bằng ghíp xử lý đồng nhôm.

+ Hệ thống chiếu sáng đường phố được điều kiển bằng tủ tự động điều kiển chiếu sáng (TĐKCS) đặt ở trạm biến áp. Nguồn điện cấp cho các tủ này được lấy từ lộ ra của trạm biến áp xây dựng mới trong khu vực.

d) Hệ thống cấp nước

- Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ hệ thống cấp nước khu vực dọc tuyến đường tỉnh 226 (tuyến đường ống D110), vị trí điểm đấu nối cách ranh giới khu đất thực hiện dự án 13m; đường ống cấp nước sử dụng loại ống HDPE

PN10 đường kính D110 (dài 834m) đặt ngầm dưới vỉa hè và dọc các tuyến đường giao thông; cấp nước dịch vụ sử dụng loại ống HDPE PN10 đường kính D63 (dài 479m) đặt ngầm, chạy dọc hành lang hạ tầng giữa các dãy nhà.

- Các trụ cứu hỏa (06 trụ) được bố trí trên các đường ống cấp nước phân phối có đường kính D110, với khoảng cách tối đa 150m.

e) Hệ thống thoát nước (bao gồm hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải được thiết kế riêng biệt).

- Thoát nước mưa: nước mưa được thu gom qua các hố ga (45 hố) thu nước dọc các tuyến đường vào hệ thống cống và hố ga. Hệ thống cống thoát nước mưa đặt ngầm dưới đường giao thông, cống thoát nước mưa sử dụng các loại cống tròn bê tông cốt thép D300 (dài 225m); D600 (dài 875m); D1.000 (dài 235m), hệ thống mương thoát nước thuỷ lợi chiều dài 140m; độ dốc cống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo thoát nước trên nguyên tắc tự chảy và thoát ra theo khe thoát nước hiện trạng ở phía bắc khu đất thực hiện dự án.

- Thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước thải thiết kế theo nguyên tắc tự chảy; nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại tại từng công trình sau đó sẽ được thu gom vào rãnh xây B400 (dài 415m), cống bê tông cốt thép D300 (dài 220m) chạy dọc hành lang hạ tầng giữa 2 dãy nhà và dọc hè đường giao thông nội bộ về trạm xử lý nước thải có công suất 100m^3/ngày đêm xây dựng trong dự án; nước thải sau khi được xử lý tại trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn được dẫn thoát ra khe thoát nước hiện trạng ở phía đông khu đất thực hiện dự án.

+ Trạm xử lý nước thải được thiết kế xây dựng hoàn chỉnh gồm các hạng mục nhà điều hành, các máy móc thiết bị khác, với công suất 100m^3/ngày đêm.

Nhà điều hành trạm xử lý: nhà 01 tầng đặt trên nắp bể xử lý; mặt bằng hình chữ nhật kích thước (4,75x 3,34)m, chiều cao nhà 3,27m, cốt nền nhà +0,25m so với nền sân hoàn thiện; tường xây gạch không nung dày 220mm, sàn mái đổ BTCT mác 250 dày 120mm; cửa đi và cửa sổ bằng khung sắt bọc tôn dày 05mm, có hoa sắt bảo vệ bằng thép vuông tiết diện (12x12)mm, toàn bộ tường trong và ngoài nhà được sơn 3 nước.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng: **75.158.536.713 đồng**, trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB: 14.000.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 40.627.444.785 đồng;
- Chi phí thiết bị: 5.623.341.034 đồng;
- Chi quản lý dự án: 969.280.424 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 2.996.821.431 đồng;
- Chi phí khác: 5.381.782.065 đồng;
- Chi phí dự phòng: 5.559.866.974 đồng.

13. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2024-2025.

14. Nguồn vốn đầu tư: vốn ngân sách nhà nước.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, UBND huyện Tràng Định theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, sự đầy đủ và chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt.

2. UBND huyện Tràng Định (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Tràng Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(HVTr).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh